

Số: *64* /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *15* tháng *6* năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 41/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý vận hành hồ chứa quặng đuôi trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6021/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định cụ thể và tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CNN&XD, TH, NC.
- Báchdt, 01/6/2026, QĐQPPL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số **64** /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai và nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Tuân thủ các quy định về bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả sự cố công trình và các hoạt động gia tăng rủi ro thiên tai.

4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các công trình trên địa bàn tỉnh phải được lập thành kế hoạch; phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo thuận lợi cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DẪN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình.

3. Xây dựng phương án giảm chông, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

4. Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải, hồ chứa quặng đuôi (kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động); thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ moong; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng sụt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao, bờ moong. Dọc tuyến sông, suối phải bảo đảm thanh thải các bãi chứa vật liệu, công trình tạm của các chủ cơ sở khai thác cát, sỏi lòng sông, suối.

Đối với các bãi thải và hồ chứa quặng đuôi: Trong phạm vi nguy hiểm do đá lăn phải có rào chắn hoặc có biển cấm người, súc vật và phương tiện qua lại. Việc bố trí bãi thải ở khe núi hoặc thung lũng phải có công trình thoát nước mưa và nước lũ; bãi thải ở phần đất chưa ổn định phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định khác có liên quan. Quy trình vận hành hồ chứa quặng đuôi phải được xây dựng bao gồm quy trình vận hành hồ chứa quặng đuôi trong điều kiện bình thường, trong điều kiện mưa lũ và trong trường hợp phát hiện các dấu hiệu có khả năng dẫn đến sự cố. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa quặng đuôi phù hợp với

điều kiện thực tế, dựa trên các thông số thiết kế của hồ chứa quặng đuôi đã được thẩm định, phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy trình theo quy định. Kiểm soát thấm trong đập, giám sát mực nước và dòng chảy đến hồ chứa, theo dõi các khu vực xung quanh hồ chứa; thiết bị phục vụ vận hành.

5. Khai thác theo thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép, có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn.

6. Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến; đồng thời, có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

7. Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

4. Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

5. Kiểm tra và có kế hoạch duy tu, bảo trì, nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, lũ; có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

6. Kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị thiên tai.

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu du lịch, khu di tích lịch sử, điểm du lịch

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến thời tiết để có các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn cơ sở vật chất, có phương án bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người lao động và khách du lịch; đồng thời, chủ động thực hiện việc ngừng tiếp nhận phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra thiên tai.

3. Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng thấp trũng, ven sông phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho khách du lịch và tài sản trước khi có gió mạnh hoặc nước dâng.

Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu công nghiệp

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình.

3. Kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình.

4. Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc).

5. Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có mưa bão, gió lốc.

6. Xây dựng phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không bảo đảm an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ, công nhân viên, người lao động trong đơn vị.

Điều 8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

4. Thực hiện việc đánh giá, cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, sườn dốc, dưới chân taluy dương, trên đỉnh các taluy âm; các khu vực thường xảy ra lũ ống, lũ quét.

5. Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

6. Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình

1. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo các quy định tại Chương III Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT).

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác (trừ các công trình quy định tại Chương III Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT).

a) Thực hiện quy định chung tại các khoản: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập, thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

c) Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành, sử dụng

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

b) Xây dựng, kiện toàn lực lượng, phân công thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; rà soát, xây dựng, ban hành nội quy, quy chế hoạt động trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý phải có nội dung bảo đảm yêu cầu về phòng, chống thiên tai.

c) Tổ chức xây dựng, phê duyệt, phương án ứng phó thiên tai; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, khai thác công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

d) Tổ chức tập huấn, huấn luyện kỹ năng phòng, chống thiên tai; cung cấp đầy đủ kiến thức về thiên tai, tác động của thiên tai, biện pháp phòng, chống thiên tai, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công nhân, người lao động trong phạm vi quản lý.

đ) Xử lý hoặc phối hợp xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng trong phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để giải quyết.

e) Rà soát, xác định các khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu (nếu có) đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

g) Thực hiện báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống thiên tai.

h) Bảo đảm nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

b) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình.

c) Rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

d) Tham mưu cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ an toàn phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng theo thẩm quyền.

đ) Tham mưu về kỹ thuật đối với việc xử lý sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống làm gia tăng rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng và khu vực lân cận thuộc phạm vi quản lý.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định.

đ) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

b) Tổ chức thực hiện việc thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

c) Kiểm tra việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các sở, ban, ngành liên quan để được giải quyết.

đ) Báo cáo các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý trước mùa mưa lũ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo theo quy định.

e) Bảo đảm nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.